

## QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định lộ giới và các chỉ tiêu chủ yếu về quản lý quy hoạch, xây dựng đối với nhà ở và công trình riêng lẻ trên địa bàn các phường thuộc thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lộ giới và các chỉ tiêu chủ yếu về quản lý quy hoạch, xây dựng đối với nhà ở và công trình riêng lẻ trên địa bàn các phường thuộc thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

**“Điều 4. Quản lý quy hoạch trong việc giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất đối với lô (thửa) đất mới**

1. Lô đất xây dựng nhà ở thuộc các đường có tên trong Phụ lục 1 và các đường, đường hẻm có lộ giới lớn hơn hoặc bằng 10m theo Bảng 1, cụ thể:

Bảng 1:

STT	Loại nhà ở	Chiều ngang tối thiểu của lô đất	Diện tích tối thiểu của lô đất
1	Biệt thự	12,0m	400m <sup>2</sup>
2	Biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập)	10,0m	250m <sup>2</sup>
3	Nhà liên kế có sân vườn	4,5m	72m <sup>2</sup>
4	Nhà phố	4,0m	40m <sup>2</sup>

2. Lô đất xây dựng nhà ở thuộc các đường, đường hẻm có lộ giới nhỏ hơn 10m thì cho phép giảm diện tích và kích thước tối thiểu của lô đất theo Bảng 2, cụ thể:

Bảng 2:

STT	Loại nhà ở	Chiều ngang tối thiểu của lô đất	Diện tích tối thiểu của lô đất
1	Biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập)	10,0m	200m <sup>2</sup>
2	Nhà liên kế có sân vườn	4,0m	64m <sup>2</sup>
3	Nhà phố	3,3m	40m <sup>2</sup>

”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

**“Điều 5. Quy định về mật độ xây dựng**

Mật độ xây dựng được xác định cụ thể trong Bảng 3, cụ thể:

Bảng 3:

STT	Loại nhà ở	Mật độ xây dựng tối đa trên diện tích lô đất ở
1	Biệt thự	45%
2	Biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập)	60%
3	Nhà liên kế có sân vườn	80%
4	Nhà liên kế phố	100%

”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Quy định về dạng kiến trúc, khoảng lùi, chiều cao tối đa cho phép và chiều cao thông thủy mỗi tầng**

1. Đối với nhà xây dựng thuộc mặt tiền các đường có tên trong Phụ lục 1 (quy định về lộ giới, dạng kiến trúc, khoảng lùi, chiều cao tối đa theo tên đường) thì các chỉ tiêu tuân thủ theo Phụ lục 1.

2. Đối với nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập) xây dựng mới, nâng cấp trên lô đất quy định tại Bảng 1 đảm bảo diện tích, kích thước chiều ngang lô đất thì khoảng cách tính từ mép công trình đến ranh đất bên hông và phía sau tối thiểu 1,0m.

3. Đối với nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập) cải tạo, sửa chữa trên lô đất quy định tại Bảng 1, xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trên lô đất thuộc quy định tại Bảng 2 đảm bảo diện tích, kích thước chiều ngang lô đất thì khoảng cách tính từ mép công trình đến ranh đất bên hông và phía sau tối thiểu 1,0m.

4. Đối với nhà liên kế có sân vườn tại các khu quy hoạch mới thì khoảng cách tính từ mép công trình đến ranh đất phía sau tối thiểu 2,0m. Đối với các khu ở hiện trạng khuyến khích có khoảng cách phía sau.

5. Đối với nhà xây dựng trong các đường hẻm, đường chưa có tên trong Phụ lục 1 (quy định về lộ giới, dạng kiến trúc, khoảng lùi, chiều cao tối đa theo tên đường) thì chiều cao tối đa thực hiện theo Bảng 4, cụ thể:

Bảng 4:

STT	Loại nhà ở	Lộ giới (đường, đường hẻm)	Chiều cao tối đa xây dựng công trình
1	Nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập)	-	Bằng chiều cao công trình theo đường thuộc Phụ lục 1 và không quá 19m
2	Nhà liên kế có sân vườn, nhà phố	$\geq 10\text{m}$	Bằng chiều cao công trình theo đường thuộc Phụ lục 1
		$< 10\text{m}$	Bằng chiều cao công trình theo đường thuộc Phụ lục 1 và giảm 3,6m (tương đương với 01 tầng) và không quá 19m

6. Chiều cao thông thủy mỗi tầng được tính từ mặt sàn tầng dưới đến phần dưới kết cấu của phần chịu lực (trần nhà, dầm,...) và phải đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế để đảm bảo an toàn sử dụng, thoát người và an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định:

- Chiều cao thông thủy của tầng 1 (tầng trệt) không nhỏ hơn 3,6m. Đối với nhà có tầng lửng thì chiều cao tầng một không nhỏ hơn 2,7m.

- Chiều cao thông thủy của các phòng trong nhà không nhỏ hơn 3,0m.

- Chiều cao thông thủy của tầng hầm, tầng kỹ thuật và tầng áp mái không nhỏ hơn 2,2m”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 6 Điều 8 như sau:

“4. Nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập) được phép xây dựng tối đa 04 tầng bán hầm (do chênh lệch địa hình), phải bạt mái ta-luy và làm kê chắn đất (giật cấp theo địa hình tự nhiên, chiều cao mỗi bậc kê không quá 4,0m), phải có biện pháp xử lý mặt đứng sau (giật cấp công trình theo địa hình tự nhiên, bố trí sân thượng, ban công, không gian mở ở mặt đứng sau để trồng hoa, cây xanh) đảm bảo phù hợp với kiến trúc, cảnh quan của khu vực.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

#### **“Điều 9. Quy định về hình thức mái công trình**

1. Tất cả các loại nhà ở riêng lẻ trên địa bàn thành phố Đà Lạt khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa, mở rộng phải sử dụng kiến trúc mái dốc; cho phép sử dụng mái bằng có diện tích không vượt quá 30% diện tích của sàn mái để bố trí các thiết bị kỹ thuật; sử dụng mái lợp ngói hoặc giả ngói.

2. Chiều cao tối đa phần mái tính từ sàn mái đến đỉnh cao nhất của mái cao không quá 5,0m; độ dốc tối đa  $\leq 45^{\circ}$  và phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật thoát nước đối với từng loại vật liệu lợp mái.

3. Đối với nhà và công trình công cộng có chiều cao lớn hơn 10m, phải bố trí có cầu thang lên mái.

4. Việc lắp đặt các thiết bị trên mái (cột ăng ten, cột thu sét, thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, ống khói, ống thông hơi, chi tiết kiến trúc trang trí) phải đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Đối với bể/bồn chứa nước phải bố trí trong không gian mái công trình hoặc có giải pháp phù hợp để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị (theo hình minh họa đính kèm).”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

#### **“Điều 11. Quy định về chỉ tiêu xây dựng các lô đất không đủ tiêu chuẩn**

1. Đối với các trường hợp đất ở, nhà ở trong các khu ở hiện trạng đã có giấy tờ hợp pháp (trước thời điểm quyết định này có hiệu lực thi hành) nhưng không đảm bảo diện tích, kích thước theo quy định tại Bảng 1 và Bảng 2 Điều 4 Quyết định này thì chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại đường, đường hẻm đó. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng căn cứ vào các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc của đường, đường hẻm đó và kiến trúc cảnh quan khu vực để thẩm định sự phù hợp của quy mô, kiến trúc công trình đảm bảo sự thống nhất trong tổ chức không gian trên tuyến phố hoặc một đoạn phố, cụ thể:

a) Đối với khu vực được xác định chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc là nhà biệt thự, biệt lập nhưng chiều ngang lô đất không đủ tiêu chuẩn theo quy định thì cho phép xây dựng công trình với chỉ tiêu quản lý quy hoạch kiến trúc như sau:

- Chiều cao: không quá 19m.
- Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi) theo quy định của đường, hẻm đó.
- Mật độ xây dựng theo quy định của nhà biệt thự, biệt lập.
- Trường hợp lô đất có chiều ngang nhỏ hơn 06m thì được xây dựng công trình bằng hoặc nhỏ hơn chiều ngang lô đất.
- Trường hợp lô đất có chiều ngang từ 06m đến dưới 08m thì xây dựng công trình cách một bên ranh đất (bên hông) không nhỏ hơn 01m.
- Trường hợp lô đất có chiều ngang từ 08m đến dưới 10m thì xây dựng công trình cách mỗi bên ranh đất (bên hông) không nhỏ hơn 01m.

b) Đối với khu vực được xác định chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc là nhà liên kế có sân vườn, liên kế nhưng lô đất không đủ tiêu chuẩn theo quy định thì cho phép xây dựng với chỉ tiêu quản lý quy hoạch kiến trúc như sau:

- Lô đất có diện tích  $< 15\text{m}^2$  có chiều rộng mặt tiền hoặc chiều sâu so với chỉ giới xây dựng  $< 3\text{m}$  thì không được phép xây dựng.
- Lô đất có diện tích từ  $15\text{m}^2$  đến  $30\text{m}^2$ , có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng  $\geq 3\text{m}$  thì được phép xây dựng công trình có chiều cao giảm 01 tầng (tương đương 3,6m) so với chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của tuyến đường, hẻm đó.
- Lô đất có diện tích từ  $30\text{m}^2$  trở lên, có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng  $\geq 3\text{m}$  thì được phép xây dựng công trình có chiều cao bằng với chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của tuyến đường, hẻm đó.

2. Trường hợp nhà nằm ngay góc giao của hai đường hoặc đường và hẻm hoặc hai hẻm có quy định lộ giới (chỉ giới) thì nhà xây dựng phải tuân thủ khoảng lùi quy định của cả đường và hẻm.”

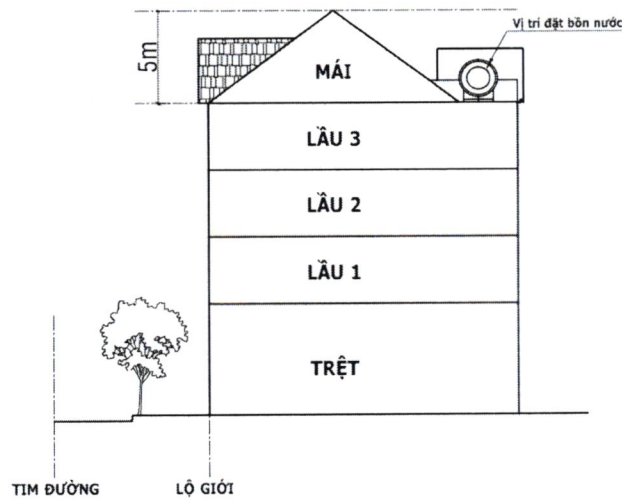
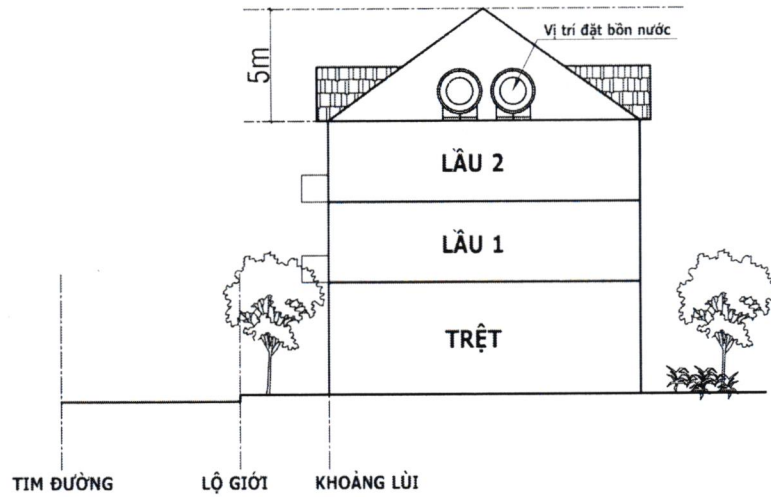
7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Đối với hồ sơ xin phép xây dựng đã nộp và còn thời gian giải quyết hồ sơ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Quy định lộ giới và các chỉ tiêu chủ yếu về quản lý quy hoạch, xây dựng đối với nhà ở và công trình riêng lẻ trên địa bàn các phường thuộc thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.”

8. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 như sau:

“Cột “tầng cao (tầng)” tại Phụ lục 1 được thay thế bằng cột “chiều cao tối đa (m)”; số tầng được thay thế bằng chiều cao tối đa tương ứng (theo Phụ lục 1 đính kèm).”

9. Bổ sung hình minh họa cho khoản 4 Điều 9:



**Điều 2. Bãi bỏ một số khoản, điều của Quy định lộ giới và các chỉ tiêu chủ yếu về quản lý quy hoạch, xây dựng đối với nhà ở, công trình riêng lẻ trên địa bàn các phường thuộc thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, như sau:**

1. Bãi bỏ cụm từ “quy hoạch phân khu” tại khoản 2 Điều 1.
2. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 2.
3. Bãi bỏ Điều 3.
4. Bãi bỏ Điều 7.
5. Bãi bỏ một phần Điều 10 như sau:

Bãi bỏ nội dung: "Trường hợp công trình trong hẻm thông qua hai hoặc nhiều đường (thuộc Phụ lục 1) có chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc khác nhau, thì chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc xây dựng nhà trong hẻm theo bản đồ phân vùng quản lý chỉ tiêu kiến trúc nhà trong hẻm được thể hiện trên bản vẽ hệ thống giao thông đô thị (do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành sau khi thỏa thuận về chuyên môn với Sở Xây dựng)".

### **Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường và Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2021.

2. Các nội dung khác của Quy định lộ giới và các chỉ tiêu chủ yếu về quản lý quy hoạch, xây dựng đối với nhà ở và công trình riêng lẻ trên địa bàn các phường thuộc thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng không thay đổi./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Lâm Đồng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Lưu: VT, QH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Hiệp**





### PHỤ LỤC 1

QUY ĐỊNH VỀ LỘ GIỚI, DẠNG KIẾN TRÚC, KHOẢNG LÙI VÀ CHIỀU CAO THEO TÊN ĐƯỜNG  
Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Lộ giới	Dạng kiến trúc	Khoảng lùi (m)	Chiều cao tối đa (m)	Ghi chú
1	An Bình	Ngã ba Đông Đa - Hà Huy Tập	Triệu Việt Vương	1.248	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
2	An Dương Vương	Phan Đình Phùng	Ngã ba Cổ Loa - Thông Thiên Học	640	14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
3	An Tôn	Hoàng Văn Thụ	Y Dinh	700	24,0	Biệt lập	4,5	< 19	
		Y Dinh	Cuối đường		16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
4	An Sơn	Triệu Việt Vương	Ngã ba quy hoạch đường vành đai ngoài	1.900	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
		Ngã ba quy hoạch đường vành đai ngoài	Huyện Trần Công Chúa (công nghĩa trang Du Sinh)	1.100	20,0	Biệt lập	3,0	< 19	
5	Ankroet	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Suối vàng - Đankia	11.000	24,0	Biệt lập	6,0	< 19	
6	Ánh Sáng	Lê Đại Hành	Nguyễn Văn Cừ	325	20,0	Theo QHCT Khu TTTM Ánh Sáng			
7	Ba Tháng Hai		Phan Đình Phùng	860	14 đến 16	Nhà phố	0,0	< 19	Lộ giới theo ranh đất hợp pháp hiện

									<i>trạng</i>
		Phan Đình Phùng	Cầu Ba Tháng Hai		20,0	Nhà phố	0,0	< 20	
		Cầu Ba Tháng Hai	Nút giao Trần Phú - Hoàng Văn Thụ - Trần Lê		20,0	Liên kế có sân vườn	3,0	≤ 20	
8	Ba Tháng Tư	Nút giao Trần Hưng Đạo - Hồ Tùng Mậu	Đông Đa	1.300	27,0	Biệt lập	6,0	< 19	
9	Bạch Đằng	Ngô Quyền	Nguyễn Siêu	1.300	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
10	Bà Triệu	Cầu Bà Hộ Chúc (cầu Bà Triệu)	Trần Phú	300	18,0	Nhà phố	0,0	< 19	
11	Bé Văn Đàn	Thái Phiên	Hẻm sau lưng chợ Thái Phiên	580	10,0	Liên kế có sân vườn	3,0	< 19	
		Hẻm sau lưng chợ Thái Phiên	Nguyễn Hữu Cầu		10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
12	Bùi Thị Xuân	Trần Quốc Toản (hồ Đội Cờ)	Thông Thiên Học	1.630	20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	≤ 20	
		Thông Thiên Học	Ngã 5 Đại Học		20,0	Nhà phố	0,0	< 20	
13	Cam Ly	Ngã ba Hoàng Văn Thụ - Trần Văn Côi	Ankroet	7.180	20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
14	Cao Bá Quát	Hai Bà Trưng	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.000	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
15	Cao Thắng	Ngô Quyền	Cuối đường	1.750	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
16	Cách Mạng Tháng Tám	Nút giao Trần Quốc Toản-Nguyên Tử Lực	Cù Chính Lan	3.020	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
17	Châu Văn Liêm	Thánh Mẫu (ngã 3 nghĩa trang)	Ngã 3 Nguyễn Hoàng - Châu Văn Liêm	1.590	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	

18	Chu Văn An	Trần Hưng Đạo	Hồ Tùng Mậu	350	14,0	Liên kế có sân vườn	3,0	< 19	
19	Cô Bắc	Quang Trung	Cô Giang	350	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
20	Cô Giang	Quang Trung	Quang Trung	600	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
21	Cổ Loa	An Dương Vương	Thông Thiên Học	970	14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
22	Công Chúa Ngọc Hân	Thánh Mẫu	Nguyễn Hoàng	970	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
23	Cù Chính Lan	Nguyễn Tử Lực	Vòng Lâm Viên	1.360	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
24	Đa Minh	Huyền Trân Công Chúa	Gio An	300	10,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
25	Đa Phú	Ankroet (ngã 3 Kim Thạch)	Ankroet (ngã 3 Hồ Hồng)	1.800	12,0	Biệt lập	3,0	< 19	
26	Đặng Thái Thân	Ba tháng Tư (Cục Hải Quan Đà Lạt)	Ba tháng Tư	928	12,0	Biệt lập	3,0	< 19	
	Đặng Thái Thân (đường vào công ty Apex)	Đặng Thái Thân (Lô C1 Khu QH Đặng Thái Thân)	Công công ty APEX	400	12,0	Liên kế có sân vườn	3,0	< 19	
		Cổng công ty APEX	Hết đường vòng công ty Apex		12,0	Biệt lập	3,0	< 19	
27	Đankia	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cầu Phước Thành	4.000	20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
28	Dã Tượng	Yết Kiêu	Hàn Thuyên	150	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
29	Đào Duy Từ	Trần Phú	Cuối trường TH kinh tế kỹ thuật Lâm Đồng	480	12,0	Nhà phố	0,0	< 19	
		Cuối trường TH kinh tế kỹ thuật Lâm Đồng	Suối Cát		12,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	

30	Đình Công Tráng	Bạch Đằng	Nguyễn Siêu	780	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
31	Đình Tiên Hoàng	Trần Quốc Toản	Đến hết thửa số 20	1.900	20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
		Từ sau thửa số 20	Bùi Thị Xuân		20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	≤ 20	
32	Đổng Đa	Ba Tháng Tư	Ngã ba An Bình - Hà Huy Tập	2.000	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
33	Đồng Tâm	Hoàng Văn Thụ	Cuối đường	619	10,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
34	Đoàn Thị Điểm	Bà Triệu	UBND phường 4	500	14,0	Trái: Nhà phố Phải: Liên kế có sân vườn	0,0 2,4	< 19	
		UBND phường 4	Trần Phú		14,0	Trái: Nhà phố Phải: Biệt thự	0,0 6,0	< 19	
35	Gio An	Hoàng Văn Thụ	Mẫu Tâm	650	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
36	Hai Bà Trưng	Hải Thượng	Trái: giáp Công an P6 Phải: Đến hết thửa số 12	2.850	20,0	Nhà phố	0,0	< 20	
		Trái: Công an P6 Phải: Từ sau thửa số 12	Nhánh N 1 (đối diện trường Lê Lợi)		20,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	4,5 4,5	≤ 20 < 19	
		Nhánh N1	Hẻm cạnh thửa số		20,0	Trái: Biệt	4,5	< 19	

			126			lập Phải: Liên kế có sân vườn	2,4	$\leq 20$	
		Hẻm cạnh thửa 126	Giáp chùa Linh Quang		20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	$\leq 20$	
		Từ chùa Linh Quang	Ngô Quyền		20,0	Biệt lập	4,5	$< 19$	
37	Hà Huy Tập	Trần Phú	Lương Thế Vinh	810	18,0	Nhà phố	0,0	$< 19$	
		Lương Thế Vinh	Ngã ba An Bình - Đồng Đa		16,0	Biệt lập	3,0	$< 19$	
38	Hàn Thuyên	Trần Bình Trọng	Yết Kiêu	1.300	16,0	Biệt lập	3,0	$< 19$	
39	Hải Thượng	Ba Tháng Hai	Nút giao Hải Thượng - Hoàng Diệu	420	25,0	Nhà phố	0,0	$< 25$	Lệch tâm (trái 10m, phải 15,0m)
		Nút giao Hải Thượng - Hoàng Diệu	Nút giao Phạm Ngọc Thạch - Trần Bình Trọng (thửa 111)		17,5	Nhà phố	0,0	$< 19$	Lệch tâm (trái 10m, phải 7,5m)
40	Hồ Tùng Mậu	Trần Phú	Nút giao thông Thủy Tả	1.300	16,0	Liên kế có sân vườn	2,4	$< 19$	
		Nút giao thông Thủy Tả	Trái: Ba Tháng Tư Phải: Thửa số 1		27,0	Biệt lập	6,0	$< 19$	
		Phải: Thửa số 1	Phải: Thửa số 24		27,0	<i>Theo đồ án QHCT</i>			
		Phải: Thửa số 24	Phải: Ba Tháng Tư		27,0				

41	Hồ Xuân Hương	Nút giao Phan Chu Trinh - Chi Lăng	Nút giao Mê Linh - Ngô Gia Tự - Vòng Lâm Viên	2.050	20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
42	Hoàng Diệu	Nút giao Hai Bà Trưng - Hải Thượng	Nút giao Hoàng Diệu - Trần Nhật Duật	1.300	16,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
		Nút giao Hoàng Diệu - Trần Nhật Duật	Lê Lai (công Đài tưởng niệm Cam Ly)		16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
43	Hoàng Hoa Thám	Hùng Vương	Cuối đường	1.600	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
44	Hoàng Văn Thụ	Nút giao Trần Phú - Trần Lê - Ba Tháng Hai	Đến Công an phường 4	3.850	20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
		Từ sau Công an phường 4	Trái: Huyện Trần Công Chúa Phải: Đến hết thửa số 150		20,0	Liên kế có sân vườn	4,5	≤ 20	
		Trái: Huyện Trần Công Chúa Phải: Từ sau thửa số 150	Ngã ba Cam Ly - Trần Văn Côi		20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
45	Hùng Vương	Nút giao Trần Hưng Đạo - Khe sanh	Ngã ba Nam Hồ - Quốc Lộ 20	2.000	27,0	Biệt lập	6,0	< 19	
46	Huyện Trần Công Chúa	Hoàng Văn Thụ	Đường Mẫu Tâm	1.650	16,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	2,4 3,0	< 19	

		Đường Mẫu Tâm	Cổng nghĩa trang Du Sinh		16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
47	Huỳnh Tấn Phát	Quốc lộ 20 (Km238 + 800)	Đường vào khu quy hoạch Trung tâm giao dịch hoa (Cổng tổng kho lương thực)	2.100	27,0	Liên kế có sân vườn	3,0	≤ 27	Tính lộ ĐT 723
		Đường vào khu quy hoạch Trung tâm giao dịch hoa	Tính lộ 723		27,0	Biệt lập	3,0	< 19	Tính lộ ĐT 723
		Tính lộ 723	Cuối đường		10,0	Biệt lập	3,0	< 19	Đường Huỳnh Tấn Phát cũ (vào khu di cư Lèo)
48	Huỳnh Thúc Kháng	Lê Hồng Phong	Pasteur	550	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
49	Khe Sanh	Hùng Vương	Bảo Quang Tự	1.438	27,0	Biệt lập	6,0	< 19	Lệch tâm (Trái: 17,0m; phải 10,0m)
		Bảo Quang Tự	Thiên Vương Cổ Sát		27,0	Biệt lập	6,0	< 19	
50	Khởi Nghĩa Bắc Sơn	Nút giao Trần Hưng Đạo - Ba Tháng Tư	Trần Hưng Đạo	1.000	16,0	Biệt lập	4,5	< 19	

51	Khu Chi Lăng	Nút giao Phan Chu Trinh - Hồ Xuân Hương	Nút giao Ngô Văn Sở - Mê Linh - Lý Thường Kiệt	150	-	Nhà phố	0,0	< 19	Lộ giới theo ranh đất hợp pháp hiện trạng
52	Khu Hòa Bình	Lê Đại Hành	Nguyễn Chí Thanh	520	-	Nhà phố	0,0	< 19	
53	Kim Đồng	Ngô Quyền	Ngã ba lên chùa Liên Trì	1.200	10,0	Liên kế có sân vườn	3,0	< 19	
		Ngã ba lên chùa Liên Trì	Suối Cam Ly		10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
54	Kim Thạch	Ankroet	Trần Văn Côi	760	20,0	Biệt lập	6,0	< 19	
55	Ký Con	Nguyễn Du	Phó Đức Chính	100	14,0	Biệt thự	6,0	< 19	
56	La Sơn Phu Tử	Phan Đình Phùng	Ngô Quyền	270	20,0	Nhà phố	0,0	< 20	
57	Lâm Văn Thạnh	Quốc lộ 20 (Km237+600)	Quốc lộ 20 (Km238+700) (UBND phường 11)	1.930	14,0	Biệt lập	4,5	< 19	
58	Lê Hồng Phong	Trần Phú	Hẻm dẫn vào trạm y tế	730	20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
		Hẻm dẫn vào trạm y tế	Đến hết thửa số 121		20,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	4,5 4,5	≤ 20 < 19	
		Từ sau thửa số 121	Triệu Việt Vương		20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
59	Lê Lai	Trần Bình Trọng	Hoàng Diệu (cổng)	1.120	16,0	Biệt thự	4,5	< 19	

			Đài tưởng niệm Cam Ly)						
60	Lê Đại Hành	Khu Hòa Bình	Cầu Ông Đạo	800	18,0	QHCT	QH	QH	
		Cầu Ông Đạo	Hẻm cạnh NH Công Thương (hẻm thung lũng Kim Khuê)		30,0	Biệt lập	-	< 19	
		Hẻm cạnh NH Công Thương	Phạm Ngũ Lão		30,0	Nhà phố	-	< 28	
		Phạm Ngũ Lão	Trần Phú		18,0	Nhà phố	0,0	< 19	
61	Lê Quý Đôn	Ba Tháng Hai	Tô Ngọc Vân (suối)	140	12,0	Nhà phố	0,0	< 19	
62	Lê Thánh Tôn	Nút giao Mai Hắc Đế - Trần Bình Trọng	Đến hết thửa số 160	550	16,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
		Từ sau thửa số 160	Yết Kiêu Đến thửa 41 (hẻm Lê Thánh Tôn)		16,0 -	Biệt lập Biệt lập	3,0 3,0	< 19	
63	Lê Thị Hồng Gấm	Trần Quốc Toản	Đến hết thửa số 138	500	20,0	Phải: Biệt lập Trái: QHCT	Phải: 4,5 Trái: QHCT	Phải: < 19 Trái: QHCT	<i>Bên trái theo QHCT khu vực Trung tâm Hòa Bình</i>
		Từ sau thửa số 138	Phan Bội Châu		20,0	Phải: Nhà phố Trái: QHCT	Phải: 0,0 Trái: QHCT	Phải: < 20 Trái: QHCT	
64	Lê Thị Riêng	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Siêu	890	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	

		(công ty cổ phần chăn nuôi)							
65	Lê Văn Tám	Trần Hưng Đạo (phía Khởi Nghĩa Bắc Sơn)	Trần Hưng Đạo (phía Khe Sanh)	541	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
66	Lữ Gia	Nguyễn Đình Chiểu	Cổng Học viện Lục quân	1.000	16,0	Biệt lập	4,5	< 19	
		Lữ Gia	Cuối đường		14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
67	Lương Định Của	Quốc lộ 20 (Km239+800)	Cầu xóm Hồ	1.260	10,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
		Cầu xóm Hồ	Cuối đường		10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
68	Lương Thế Vinh	Hà Huy Tập	Đến hết thửa số 9	355	16,0	Liên kế có sân vườn	3,0	< 19	
		Từ sau thửa số 9	Trường Lê Quý Đôn		16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
69	Lý Nam Đế	Nguyễn Công Trứ	Đến hết thửa số 127	1.170	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
		Từ sau thửa số 127	Phù Đổng Thiên Vương (cổng KTX Đại học)		14,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	3,0 3,0	< 19	
70	Lý Thường Kiệt	Nút giao Chi Lăng - Ngô Văn Sở - Mê Linh	Cuối đường (nhà máy Atisô cũ)	630	10,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	2,4 3,0	< 19	
71	Lý Tự Trọng	Bùi Thị Xuân	Đến hết thửa số 4	1.272	14,0	Trái: Liên	3,0	< 19	

						kế có sân vườn Phải: Nhà phố	0,0		
		Từ sau thửa số 4	Dinh Tỉnh trưởng cũ		14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
72	Ma Trang Sơn	Hoàng Diệu	Hoàng Văn Thụ	1.000	10,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
73	Mẫu Tâm	Huyền Trân Công Chúa	Y Dinh	700	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
74	Mai Anh Đào	Nút giao Phù Đổng Thiên Vương - Thánh Mẫu	Nguyễn Tử Lực	1.490	24,0	Biệt lập	6,0	< 19	
75	Mai Hắc Đế	Nút giao Lê Thánh Tôn - Trần Bình Trọng	Nút giao Ngô Quyền - Phạm Ngọc Thạch	300	16,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
76	Mai Xuân Thưởng	Vạn Hạnh	Nguyễn Tử Lực (ngã tư đập 1 Đa Thiện)	610	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
77	Mạc Đĩnh Chi	Ba Tháng Hai	Chung cư Mạc Đĩnh Chi	1.000	12,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
78	Mê Linh	Nút giao Chi Lăng - Lý Thường Kiệt - Ngô Văn Sở	Trái: Ngã ba cuối nhánh vòng Phải: Nút giao Ngô Văn Sở - Mê Linh	1.650	18,0	Biệt lập	4,5	< 19	
		Trái: Ngã ba cuối nhánh vòng Phải: Nút giao Ngô Văn Sở - Mê Linh	Nút giao Hồ Xuân Hương - Vòng Lâm Viên - Ngô Văn Sở		18,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	

		Văn Sở - Mê Linh	Gia Tự						
79	Mimosa	Khe Sanh (Thiên Vương Cổ Sát)	Nút giao Prenn (cầu Prenn cũ)	9.857	27,0	Biệt thự	6,0	< 19	
80	Nam Hồ	Hùng Vương (QL 20 Km 236+300)	Hồ Xuân Hương	1.550	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
81	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ba Tháng Hai	Ngã ba Thủ Khoa Huân - Phan Như Thạch	430	15,0	Nhà phố	0,0	< 19	
82	Ngô Gia Tự	Nút giao Hồ Xuân Hương - Vòng Lâm Viên - Mê Linh	Nút giao tỉnh lộ 723	1.650	24,0	Biệt lập	6,0	< 19	
83	Ngô Huy Diễn	Trần Bình Trọng (cổng CA tỉnh Lâm Đồng)	Ngã ba Trần Bình Trọng - Hàn Thuyên	380	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
84	Ngô Quyền	Nút giao Mai Hắc Đế - Phạm Ngọc Thạch	Nút giao Bạch Đằng - Cao Thắng - Tô Vĩnh Diện	1.420	16,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
85	Ngô Tất Tố	Mai Anh Đào	Trần Quang Khải	1.170	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
86	Ngô Thị Nhậm	Đồng Tâm	Ngô Thị Sỹ	620	10,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
87	Ngô Thị Sỹ	Pasteur	Ngã ba Ngô Thị Nhậm - Ngô Thị Sỹ	1.080	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
		Nút giao Ngô Thị Nhậm - Ngô Thị Sỹ	Hết lô A1, cuối khu QH tái định cư Ngô Thị Sỹ		14,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	2,4 3,0	< 19	

		Từ sau lô A1, hết khu QH tái định cư Ngô Thì Sĩ	Huyện Trần Công Chúa		14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
88	Ngô Văn Sở	Nút giao Chi Lăng - Mê Linh - Lý Thường Kiệt	đến cầu (nhà thờ Chi Lăng)	1.040	12,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	3,0 2,4	< 19	
		Từ cầu (Nhà thờ Chi Lăng)	Mê Linh		12,0	Biệt lập	3,0	< 19	
89	Nguyễn An Ninh	Nút giao Ngô Quyền - La Sơn Phu Tử	Yết Kiêu	780	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
90	Nguyễn Chí Thanh	Khu Hòa Bình	Nguyễn Văn Cừ	620	16,0	Nhà phố	0,0	Trái: QH Phải: < 19	
91	Nguyễn Công Trứ	Ngã 5 Đại học	Hẻm cạnh thửa số 100	1.100	20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	≤ 20	
		Hẻm cạnh thửa số 100	Xô Viết Nghệ Tĩnh		20,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	2,4 3,0	≤ 20 < 19	
92	Nguyễn Du	Quang Trung	Trần Quý Cáp	850	16,0	Biệt lập	4,5	< 19	Riêng đoạn từ thửa số 90 đến thửa số

									95: Liên kế có sân vườn, khoảng lùi 4,5m, chiều cao tối đa <19m
93	Nguyễn Hoàng	Thánh Mẫu	Ngã ba Châu Văn Liên - Nguyễn Hoàng	2.050	20,0	Trái: Biệt lập Phải: liên kế có sân vườn	4,5 2,4	< 19 ≤ 20	
94	Nguyễn Hữu Cầu	Thái Phiên (gần chợ Thái Phiên)	Hẻm sau lưng chợ Thái Phiên	1.422	10,0	Nhà phố	0,0	< 19	
		Hẻm sau lưng chợ Thái Phiên	Thái Phiên (gần trường Thái Phiên)		10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
95	Nguyễn Hữu Cảnh	Phù Đồng Thiên Vương (Công ty may xuất khẩu)	Phù Đồng Thiên Vương (gần ngã 3 Phù Đồng Thiên Vương - Trần Quang Khải)	603	12,0	Biệt lập	3,0	< 19	
96	Nguyễn Khuyến	Lê Lai	Cuối đường (công trung tâm đào tạo lái xe)	110	16,0	Biệt lập	4,5	< 19	
97	Nguyễn Lương Bằng	Phan Đình Phùng	Đền chung cư 226	580	7,0	Nhà phố	0,0	< 19	
		Từ sau chung cư 226	Trái: Trạm y tế		21,5	Theo đồ án QHCT		Lệch	

			phường 2 Phải: đến lô A1						<i>tâm (trái: 15,0 m; phải 6,5m)</i>
		Trái: Trạm y tế phường 2 Phải: Từ sau lô A1	An Dương Vương		7,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
98	Nguyễn Đình Chiêu	Ngã ba Sương Nguyệt Anh	Trái: Đến hết thửa số 95 Phải: Đến hết thửa số 165	830	20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
		Trái: Từ sau thửa số 95 Phải: Từ sau thửa số 165	Ngã tư Phan Chu Trình		20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	≤ 20	
99	Nguyễn Đình Quân	Hoàng Văn Thụ	Cuối nghĩa trang cán bộ	1.080	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
100	Nguyễn Phi Ý Lan	Nhà thờ Thánh Mẫu	Châu Văn Liêm	880	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
101	Nguyễn Siêu	Nút giao Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thánh Mẫu - Nguyễn Hoàng	Ngã ba Bạch Đằng	600	20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	≤ 20	
		Ngã ba Bạch Đằng	Cao Thắng		20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
102	Nguyễn Thái Bình	Ngô Gia Tự	Thái Phiên	510	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
103	Nguyễn Thị Minh Khai	Nút giao thông cầu Ông Đạo	Vòng xoay chợ Đà Lạt	630	-	Theo QHCT	QH	QH	
		Vòng xoay chợ Đà Lạt	Vòng xoay chợ Đà		-	Dãy nhà phố quanh chợ đảm			

			Lạt (đoạn vòng quanh chợ)	bảo đồng bộ về mặt kiến trúc					
104	Nguyễn Thị Nghĩa	Bùi Thị Xuân (giáp khu công viên văn hóa)	Nhà I-01 (cuối khu quy hoạch)	1.000	10,0	Trái: Nhà phố Phải: Liên kế có sân vườn	0,0 2,4	< 19	
		Từ sau nhà I-01 (cuối khu quy hoạch)	Đến hết thửa số 21		10,0	Theo đồ án QHCT			<i>Lệch tâm về bên trái 2m (nổi tim đường QH với tim đường hiện trạng)</i>
		Từ sau thửa số 21	Bùi Thị Xuân (kể cả đoạn nhánh cụt)		10,0				
105	Nguyễn Thị Định	Ba tháng Hai (cạnh cầu)	Tô Ngọc Vân (suối)	180	14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
106	Nguyễn Thượng Hiền	Lê Thánh Tôn	Đến hết thửa số 274	200	14,0	Liên kế có sân vườn	3,0	< 19	
		Từ sau thửa số 274	Yết Kiêu		14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
107	Nguyễn Tử Lực	Trần Quốc Toàn	Công ty Hasfarm	3.300	20,0	Biệt lập	6,0	< 19	
		Công ty Hasfarm	Mai Xuân Thương		20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	≤ 20	

		Mai Xuân Thương	Mai Anh Đào		20,0	Biệt lập	6,0	< 19	
108	Nguyễn Trãi	Yersin	Trái: Đến hết thửa số 212 Phải: Cổng thoát nước	310	20,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	2,4 4,5	$\leq 20$ < 19	<i>Hẻm từ thửa 212 đến thửa 46</i> <i>Trái:</i> <i>LKSV;</i> <i>khoảng lùi</i> <i>2,4m;</i> <i>chiều cao tối đa &lt; 20m</i> <i>Phải:</i> <i>BL;</i> <i>khoảng lùi</i> <i>3,0m;</i> <i>chiều cao tối đa &lt; 19m</i>
		Trái: Từ sau thửa số 212 Phải: Cổng thoát nước	Trái: cổng khu điều dưỡng Đường sắt Phải: Cổng Ga Đà Lạt		20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
		Cổng khu điều dưỡng đường sắt	Quang Trung	700	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
109	Nguyễn Trung Trực	Triệu Việt Vương	Cuối đường (Tịnh xá Ngọc Cảnh)	390	12,0	Liên kế có sân vườn	3,0	< 19	
110	Nguyễn Văn Cừ	Ba tháng Hai	cầu Bá Hộ Chúc (cầu Bà Triệu)	380	20,0	Nhà phố	0,0	< 20	
111	Nguyễn Văn Trỗi	Khu Hòa Bình	Nhà thờ Tin Lành	1.150	8 đến	Nhà phố	0,0	< 19	

					11				
		Nhà thờ Tin Lành	Ngã 3 chùa (phía trường Nguyễn Du)		16,0	Nhà phố	0,0	< 19	
		Phan Đình Phùng	Bùi Thị Xuân		20,0	Nhà phố	0,0	< 20	
112	Nguyễn Việt Xuân	Lê Hồng Phong	Pasteur	500	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
113	Nhà Chung	Trần Phú	UBND phường 3	500	18,0	Nhà phố	0,0	< 19	
		UBND Phường 3	Cuối đường		16,0	Liên kế có sân vườn	3,0	< 19	
114	Pasteur	Trần Phú (Tòa án tỉnh)	Triệu Việt Vương (Viện Pasteur)	850	20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
115	Phạm Hồng Thái	Yersin	Nút giao Trần Hưng Đạo - Hùng Vương - Khe Sanh	900	15,0	Trái: Biệt lập Phải: khu bảo tồn kiến trúc	3,0	< 19	<i>Lệch tâm (trái 5,0m; phải 10,0m) và theo quy hoạch bảo tồn kiến trúc</i>
116	Phạm Ngọc Thạch	Nút giao Hải Thượng - Trần Bình Trọng	Trung tâm y tế dự phòng (Phòng khám đa khoa cũ)	850	14,0	Nhà phố	0,0	< 19	
		Trung tâm y tế dự phòng (Phòng khám đa khoa cũ)	Thi Sách		14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
		Thi Sách	Nút giao Ngô		14,0	Biệt lập	3,0	< 19	

			Quyền - Mai Hắc Đế						
117	Phạm Ngũ Lão	Lê Đại Hành	Bà Triệu	450	16,0	Nhà phố	0,0	< 19	
118	Phan Bội Châu	Khu Hòa Bình	Đà Lạt Center	550	18,0	Trái: Nhà phố Phải: QHCT	Trái: 0,0 Phải: QH	Trái: < 19 Phải: QH	
		Từ Đà Lạt Center	Đến hết thửa số 121 (Giáp cảnh sát cơ động)		18,0	Nhà phố	0,0	< 19	
		Từ sau thửa số 121 (Từ cảnh sát cơ động)	Đến hết thửa số 11 (cảnh sát cơ động)		18,0	Trái: Nhà phố Phải: Biệt lập	0,0 3,0	< 19	
		Từ sau thửa số 11 (cảnh sát cơ động)	Bùi Thị Xuân		18,0	Nhà phố	0,0	< 19	
119	Phan Chu Trinh	Ngã 4 Phan Chu Trinh	Trái: Đến hết thửa số 23 Phải: Đến hết thửa số 14	980	20,0	Nhà phố	0,0	< 20	
		Trái: Từ sau thửa số 23 Phải: Từ sau thửa số 14	Đến hết thửa số 5		20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
		Từ sau thửa số 5	Nút giao Chi Lăng - Hồ Xuân Hương		20,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	2,4 4,5	≤ 20 < 19	

120	Phan Như Thạch	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ngã 3 Thủ Khoa Huân	450	15,0	Nhà phố	0,0	< 19	
121	Phan Đình Giót	Ngô Quyền	Cuối đường hiện trạng (theo QH chỉnh trang giao thông, thửa 11)	930	14,0	Liên kế có sân vườn	3,0	< 19	
122	Phan Đình Phùng	Ba tháng Hai	Ngã ba Trương Công Định	1.800	18,0	Nhà phố	0,0	< 19	
		Ngã ba Trương Công Định	Xô Viết Nghệ Tĩnh		20,0	Nhà phố	0,0	< 20	
123	Phó Đức Chính	Quang Trung (báo Lâm Đồng)	Quang Trung (Bưu chính Lâm Đồng)	430	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
124	Phù Đổng Thiên Vương	Ngã 5 Đại học	Trần Khánh Dư	2.450	30,0	Liên kế có sân vườn	2,4	≤ 27	
		Trần Khánh Dư	Đến hết thửa số 600		30,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế sân vườn	6,0 2,4	< 19 ≤ 27	
		Từ sau thửa số 600	Đến hết thửa số 824 (cạnh Công an phường 8)		30,0	Liên kế có sân vườn	2,4	≤ 27	
		Từ sau thửa số 824 (cạnh Công an phường 8)	Nút giao Mai Anh Đào - Thánh Mẫu		30,0	Biệt lập	6,0	< 19	
125	Quang Trung	Nguyễn Trãi (Ga Đà Lạt)	Ngã tư Phan Chu Trinh	1.350	20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
126	Quốc lộ 20	Ngã 3 Nam Hồ	Nút giao Tỉnh lộ	3.700	27,0	Biệt lập	6,0	< 19	

			723					
		Nút giao Tỉnh lộ 723	Chợ rau phường 11		27,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Liên kế có sân vườn	3,0 2,4	$\leq 27$
		Chợ rau phường 11	Trường Trại Mát		27,0	Liên kế có sân vườn	2,4	$\leq 27$
		Trường Trại Mát	Nhà ga Trại Mát		27,0	Nhà phố	0,0	$< 27$
		Nhà ga Trại Mát	Trường Nguyễn Đình Chiểu		27,0	Biệt lập	6,0	$< 19$
127	Sương Nguyệt Ánh	Trần Quốc Toàn (cầu Sắt)	Nguyễn Đình Chiểu	520	20,0	Biệt lập	4,5	$< 19$
128	Tăng Bạt Hổ	Khu Hòa Bình	Trương Công Định	300	9,5	Nhà phố	0,0	$< 19$
	Tăng Bạt Hổ (nhánh trên)	Từ thừa số 15	Trương Công Định		9,5	Nhà phố	0,0	$< 19$
	Tăng Bạt Hổ (nhánh dưới)	Từ thừa số 280	Trương Công Định		8,0	Nhà phố	0,0	$< 19$
129	Tản Đà	Phan Đình Phùng	Hai Bà Trưng	150	16,0	Nhà phố	0,0	$< 19$
130	Thánh Tâm	Mẫu Tâm	Mẫu Tâm (phía nhà thờ Du Sinh)	600	10,0	Biệt lập	3,0	$< 19$
131	Thánh Mẫu	Nút giao Phù Đổng Thiên Vương - Mai Anh Đào	Nút giao Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Siêu	1.740	24,0	Biệt lập	4,5	$< 19$
132	Thái Phiên	Ngô Gia Tự	Hẻm cạnh thửa số 10 (đối diện chùa	1.830	20,0	Trái: Biệt lập	4,5 4,5	$< 19$ $\leq 20$

			Thiện Lâm)			Phải: Liên kế có sân vườn			
		Hẻm cạnh thửa số 10 (đối diện chùa Thiện Lâm)	Đập Thái Phiên		20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
133	Thi Sách	Phạm Ngọc Thạch	Trường Lê Lợi	950	14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
		Trường Lê Lợi	Hẻm cạnh thửa số 131		14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
		Hẻm cạnh thửa số 131	Ngô Quyền		14,0	Liên kế có sân vườn	3,0	< 19	
134	Thiện Mỹ	Nút giao Pasteur - Trần Lê	Đồng Tâm	800	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
135	Thiện Ý	Hoàng Văn Thụ	Cuối đường	800	10,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	3,0 2,4	< 19	
136	Thông Thiên Học	Bùi Thị Xuân	Công Tinh Đội	800	14,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Nhà phố	2,4 0,0	< 19	
		Công Tinh Đội	Ngã ba An Dương Vương - Cổ Loa		14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
137	Thủ Khoa Huân	Ba tháng Hai	Đến hết thửa số 41	450	14,0	Trái: Nhà phố	0,0 3,0	< 19	

						Phải: Liên kế có sân vườn			
		Từ sau thửa số 41	Ngã ba Nam Kỳ Khởi nghĩa - Phan Nthur Thạch		14,0	Trái: Nhà phố Phải: Biệt lập	0,0 3,0	< 19	
138	Tô Hiến Thành	Nút giao Ba Tháng Tư - Đống Đa	Đường rẽ vào công ty cổ phần vận tải ô tô Lâm Đồng	900	16,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	2,4 3,0	< 19	
		Đường rẽ vào công ty cổ phần vận tải ô tô Lâm Đồng	Lô E1 đầu khu dân cư đường Tô Hiến Thành		16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
		Từ lô E1 đầu khu dân cư đường Tô Hiến Thành	Lô E23 cuối khu dân cư đường Tô Hiến Thành		16,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	3,0 2,4	< 19	
		Từ sau Lô E23 cuối khu dân cư đường Tô Hiến Thành	Đống Đa		16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
	Tô Hiến Thành (nhánh vào công ty cổ phần vận tải ô tô Lâm Đồng)	Ngã ba Tô Hiến Thành - Đường Quy hoạch	Đến hết lô C36 (Công công ty CP vận tải ô tô Lâm Đồng)	560	14,0	Trái: Nhà phố Phải: Biệt lập	0,0 3,0	< 19	
		Từ lô A1	Đến hết lô A22		14,0	Trái: đất công cộng	0,0	< 19	

						Phải: Nhà phố			
		Từ lô B1 (sau lô A22)	Đến hết lô B18		14,0	Trái: đất công cộng Phải: Biệt lập	4,5	< 19	
		Từ lô C1 (sau 16 B18)	Đến hết lô C35 (công công ty CP vận tải ô tô Lâm Đồng)		14,0	Trái: đất công cộng Phải: Nhà phố	0,0	< 19	
139	Tô Hiệu nhánh 1	Vạn Kiếp	Thánh Mẫu	1.950	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
	Tô Hiệu nhánh 2	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Tô Hiệu		16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
140	Tô Ngọc Vân	Nguyễn Thị Định	Đến hết thửa số 253	1.640	5,0	Nhà phố	0,0	< 19	
		Từ sau thửa số 253	La Sơn Phu Tử		7,0	Nhà phố	0,0	< 19	
141	Tô Vĩnh Diện	Ngô Quyền	Ngã ba vào khu quy hoạch (cạnh chung cư Bạch Đằng Ngô Quyền)	1.800	17,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19	
		Ngã ba vào khu quy hoạch (cạnh chung cư Bạch Đằng - Ngô Quyền)	Nút giao Ngô Quyền - Cao Thắng		17,0	Biệt lập	3,0	< 19	
142	Tôn Thất Tùng	Vạn Kiếp (ngã 3 ĐH Yersin)	Vạn Kiếp (phía Tô Hiệu)	800	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
143	Tương Phố	Nguyễn Du	Phó Đức Chính	224	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
144	Trần Anh Tông	Nguyên Tử Lực (Công ty Hasiarm)	Cách Mạng Tháng Tám	886	12,0	Biệt lập	3,0	< 19	

145	Trần Bình Trọng	Nút giao Hải Thượng - Phạm Ngọc Thạch	Nút giao Trần Bình Trọng - Trần Nhật Duật	1.050	16,0	Liên kế có sân vườn	4,5	< 19	
		Nút giao Trần Bình Trọng - Trần Nhật Duật	Nút giao Nguyễn Khuyến - Lê Lai		16,0	Biệt thự	4,5	< 19	
146	Trần Hưng Đạo	Trần Phú	Nút giao Ba Tháng Tư - Hồ Tùng Mậu	2.200	24,0	Biệt thự	6,0	< 19	
		Nút giao Ba Tháng Tư - Hồ Tùng Mậu	Khe Sanh		27,0	Biệt thự	6,0	< 19	
147	Trần Khánh Dư	Phù Đổng Thiên Vương	Đến hết thửa số 822	850	14,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	2,4 3,0	< 19	
		Từ sau thửa số 822	Nút giao Phù Đổng Thiên Vương - Vạn Hạnh		14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
148	Trần Đại Nghĩa	Mai Xuân Thưởng	Mai Anh Đào	1.370	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
149	Trần Lê	Nút giao Hoàng Văn Thụ - Trần Phú - Ba Tháng Hai	Đến hết lô A9	450	20,0	Theo đồ án QHCT			
		Từ lô A10	Đến hết lô A12		20,0				
		Từ lô A13	Đến hết lô A15		20,0				
		Từ lô A16	Đến hết lô A27		20,0				
		Từ sau lô A27	Pasteur		20,0				

150	Trần Nhân Tông	Ngã 5 Đại học	Trần Quốc Toàn	1.000	20,0	Biệt thự	6,0	< 19		
151	Trần Nhật Duật	Hoàng Diệu	Trần Bình Trọng	600	10,0	Liên kế có sân vườn	2,4	< 19		
152	Trần Phú	Hà Huy Tập	Bà Triệu	1.500	24,0	Biệt lập	6,0	< 19	<i>Riêng bên trái từ Cty KD&amp;PT nhà đến Đào Duy Từ: Nhà liên kế: khoảng lùi 0,0m; chiều cao tối đa &lt; 24m</i>	
		Bà Triệu	Khu Hành chính tập trung tỉnh Lâm Đồng			24,0	Biệt lập	Trái: 6,0 Phải: 4,5	< 19	
		Khu Hành chính tập trung tỉnh Lâm Đồng	Nhà thờ Thánh Tâm			24,0	Biệt lập	6,0	< 19	
		Nhà thờ Thánh Tâm	Nút giao Ba Tháng Hai - Trần Lê - Hoàng Văn Thụ			24,0	Liên kế có sân vườn	3,0	≤ 24	
153	Trần Quang Diệu	Hoàng Hoa Thám	Khu dân cư Dinh 1	800	16,0	Biệt thự	4,5	< 19		
154	Trần Quang Khải	Phù Đổng Thiên Vương (trạm y tế	Ngã ba Phù Đổng Thiên Vương -	1.100	14,0	Biệt lập	3,0	< 19		

		phường 8)	Nguyễn Hữu Cảnh						
155	Trần Quý Cáp	Ngã 4 Phan Chu Trinh	Trái: Đến hết thửa số 22 Phải: Đến hết thửa số 60	300	20,0	Trái: TT thương mại Phải Biệt thự	- 4,5	- < 19	
		Trái: Từ sau thửa số 22 Phải: Từ sau thửa số 60	Cầu Trần Quý Cáp		20,0	Liên kế có sân vườn	Trái: 6,0 Phải: 5,0	$\leq 20$ $\leq 20$	
		Cầu Trần Quý Cáp	Hùng Vương		20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
156	Trần Quốc Toàn	Lê Đại Hành	Bùi Thị Xuân	4.780	20,0	Biệt thự	6,0	< 19	
		Bùi Thị Xuân	Nút giao Ánh Sáng - Nguyễn Thị Minh Khai - Lê Đại Hành		24,0	Biệt thự	6,0	< 19	
157	Trần Thái Tông	Hùng Vương (cổng Bảo Đại)	Cuối đường	3.000	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
158	Trần Thánh Tông	Cầu An Bình	Thiền Viện Trúc Lâm	2.760	20,0	Biệt lập	6,0	< 19	
159	Trần Văn Côi	Hoàng Văn Thụ (đốc Vạn Thành)	Ankroet	5.032	20,0	Biệt lập	6,0	< 19	
160	Trạng Trình	Trần Quốc Toàn (cầu Sắt)	Nguyễn Đình Chiểu	960	12,0	Biệt lập	3,0	< 19	
161	Triệu Việt Vương	Pasteur (viện Pasteur)	Trần Thánh Tông (cầu An Bình)	2.520	20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
162	Trịnh Hoài Đức	Nam Hồ	Cuối đường	1.320	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
163	Trương Công Định	Khu Hòa Bình	Phan Đình Phùng	280	10 đến	Nhà phố	0,0	< 19	Lộ giới

					12				<i>theo ranh đất hợp pháp hiện trạng</i>
164	Trương Văn Hoàn	Mê Linh	Cuối đường	560	14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
165	Trúc Lâm Yên Tử	Đường đèo Prenn	Thiên viện Trúc Lâm	2.000	20,0	Không xây dựng nhà ở tư nhân			
166	Vạn Hạnh	Nút giao Trần Khánh Dư - Phù Đổng Thiên Vương	Đến hết thửa số 306	1.500	14,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	3,0 3,0	< 19	
		Từ sau thửa số 306	Phù Đổng Thiên Vương (Trạm y tế phường 8)		14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
167	Vạn Kiếp	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Phù Đổng Thiên Vương	1.840	16,0	Biệt lập	3,0	< 19	
168	Võ Thị Sáu	Lý Tự Trọng	Bùi Thị Xuân	280	10,0	Nhà phố	0,0	< 19	
169	Võ Trường Toàn	Phù Đổng Thiên Vương	Nguyên Tử Lược (công công ty Hasfarm)	1.380	10,0	Biệt lập	3,0	< 19	
170	Vòng Lâm Viên	Mê Linh	Mai Anh Đào	3.700	24,0	Biệt lập	6,0	< 19	
171	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nút giao Phan Đình Phùng - La Sơn Phu Tử	Thánh Thất Cao Đài	3.400	20,0	Biệt lập	4,5	< 19	

		Thánh Thất Cao Đài	Nút giao Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Siêu - Thánh Mẫu		20,0	Liên kế có sân vườn	4,5	$\leq 24$	
		Nút giao Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Siêu - Thánh Mẫu	Lê Thị Riêng		20,0	Liên kế có sân vườn	Trái: 2,0  Phải: 4,5	$\leq 20$  $\leq 20$	
		Lê Thị Riêng	Nút giao Ankroet - Đankia		20,0	Biệt lập	4,5	$< 19$	
172	Y Dinh	An Tôn	Huyền Trân Công Chúa	900	24,0	Biệt lập	4,5	$< 19$	
173	Yagout	Hoàng Diệu	Đến hết thửa số 338	400	14,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	3,0 3,0	$< 19$	
		Từ sau thửa số 338	Trần Bình Trọng		14,0	Biệt lập	3,0	$< 19$	
174	Yên Thế	Hùng Vương	Cuối đường	350	16,0	Biệt thự	3,0	$< 19$	
175	Yết Kiêu	Trần Bình Trọng	Cuối đường	1.300	16,0	Biệt lập	3,0	$< 19$	
176	Yersin	Trần Quốc Toàn (Nút giao nhà nghỉ Công đoàn)	Trái: Đến hết thửa số 319 Phải: Phạm Hồng Thái	1.900	20,0	Trái: Biệt lập Phải: QHCT	6,0  QH	$< 19$  QH	
		Trái: Từ sau thửa số 319 Phải: Phạm Hồng Thái	Trái: Hẻm thứ 1 (giáp thửa số 314) Phải: Nguyễn Trãi		20,0	Trái: Liên kế có sân vườn	3 đến 4	$\leq 20$	

						Phải: Biệt lập	4,5	< 19	
		Trái: Hẻm thứ 1 (giáp thửa số 314) Phải: Nguyễn Trãi	Hẻm thứ 2 (giáp thửa số 312)		20,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	4,5 2,4	< 19 ≤ 20	
		Hẻm thứ 2 (giáp thửa số 312)	Hẻm cạnh trường Mầm non 10		20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	≤ 20	
		Hẻm cạnh trường Mầm non 10	Cổng Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt		20,0	Biệt lập	4,5	< 19	
		Cổng Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	Cuối sân bóng trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt		16,0	Biệt lập	4,5	< 19	
		Cuối sân bóng trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	Nguyễn Đình Chiểu		14,0	Biệt lập	3,0	< 19	
177	Đèo Prenn	Nút giao Ba Tháng Tư - Đồng Đa	Cầu Prenn mới	10.500	27,0	không xây dựng nhà ở tư nhân			

*Ghi chú:*

- Số thửa đất trong bảng là số thửa theo bản đồ giải thửa được đo vẽ năm 1996 và Sở Địa chính Lâm Đồng kiểm tra năm 1997;
- Chiều cao tối đa theo Phụ lục này tính từ chỉ giới xây dựng, trường hợp công trình xây dựng lùi thêm so với chỉ giới xây dựng quy định thì cho phép chiều cao công trình tăng thêm tương ứng (lùi vào 03m thì chiều cao tăng thêm 03m).
- Ngoài các chỉ tiêu quy định tại Phụ lục trên, nhà ở và công trình riêng lẻ phải đảm bảo các quy định theo Tiêu chuẩn quốc gia về Nguyên tắc thiết kế và Tiêu chuẩn thiết kế nhà ở.